

Số: ~~MT~~/TB-MNFV

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 9 năm 2025

V/v: Thông báo cập nhật địa chỉ và thay đổi  
một số thông tin trên bản Tự công bố và  
nhãn phụ sản phẩm.

### Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên

Chúng tôi, CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM (“MNFV/Công Ty”), xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Quý Cơ quan với MNFV trong suốt thời gian vừa qua.

MNFV đã thực hiện tự công bố đối với các Sản phẩm theo danh mục: (Chi tiết đính kèm).

Stt	Tên sản phẩm	Số Tự công bố	Ngày ban hành
1	Kem Mow Vanilla Morinaga	28/MORINAGA/2024	28/08/2024
2	Kem Pino vanilla Morinaga	29/MORINAGA/2024	28/08/2024
3	Kem Parm Matcha Morinaga	32/MORINAGA/2024	23/10/2024.
4	Kem Mow Matcha Morinaga	33/MORINAGA/2024	23/10/2024.

(Chi tiết đính kèm).

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm và Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025, MNFV xin thông báo tới Quý cơ quan về việc cập nhật địa chỉ Công ty và thay đổi một số thông tin khác trên Bản Tự công bố và trên nhãn phụ của Sản phẩm và không làm thay đổi tên, xuất xứ, thành phần cấu tạo của Sản Phẩm, cụ thể như sau:

#### 1. Cập nhật địa chỉ của Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam tại Mục I Bản tự công bố sản phẩm và trên nhãn phụ hàng hoá

Thông tin trước khi cập nhật	Thông tin sau khi cập nhật
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.	Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

#### 2. Sửa đổi cách ghi Định lượng hàng hoá tại mục II.4.1 Bản tự công bố sản phẩm và trên nhãn phụ hàng hoá



Thông tin trước khi thay đổi	Thông tin sau khi thay đổi
Thể tích thực (Trọng lượng tịnh):	Thể tích thực (Khối lượng tịnh):

Nội dung chi tiết: Nhãn phụ của Sản phẩm đính kèm Thông báo này.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA  
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
KOHARA SHUNSUKE**





## KEM PARM MATCHA MORINAGA

**THÀNH PHẦN:** Nước, sữa (sữa gầy cô đặc, cream, phô mai), sô-cô-la trà matcha phủ ngoài (\*), đường kính, xirô tinh bột, dầu thực vật, bột trà matcha (1,06%), chất nhũ hoá (471, 477), chất ổn định (410, 412, 407), hương liệu nhân tạo (hương matcha), bột trà Gykuro, lòng đỏ trứng.

(\* Sô-cô-la trà matcha phủ ngoài: Dầu thực vật, đường kính, đường lactose, maltodextrin, bơ cacao, bột trà matcha (0,31%), sữa bột nguyên kem, chất nhũ hoá (322(i), 473), hương liệu nhân tạo (hương matcha).

Sản phẩm có chứa sữa, trứng, đậu nành.

**Thông tin cảnh báo:** Không dùng cho người dị ứng với các thành phần sản phẩm.

Thể tích thực (Khối lượng tịnh): **90 ml (74 g)**

**THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRÊN 90 ml SẢN PHẨM:**

Năng lượng 204 kcal; Chất đạm 2,1 g; Chất béo 13,1 g; Carbohydrat 19,4 g; Đường tổng số 12,7 g; Natri 20,7 mg.

**HSD:** Sử dụng ngay sau khi lấy ra khỏi tủ đông và mở bao bì.

**HDBQ:** Bảo quản đông lạnh ở nhiệt độ dưới -18°C.

**NSX:** 24 tháng trước hạn sử dụng | **HSD:** DD/MM/YY

**NHÀ SẢN XUẤT:** MORINAGA MILK INDUSTRY CO., LTD.

**Địa chỉ:** 1-5-2, Higashi-shimbashi, Minato-ku, Tokyo, Nhật Bản.

Sản xuất tại Fuji Morinaga Milk Industry Co., Ltd.

**Địa chỉ:** 18, Nameri, Nagaizumi-cho, Shunto-gun, Shizuoka, Nhật Bản.

**SẢN XUẤT TẠI NHẬT BẢN**

**THƯƠNG NHÃN NHẬP KHẨU & CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ HÀNG HÓA:**

Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam.

**Địa chỉ:** Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

**Hotline:** 1800-888-602 \* **Website:** www.morinaga-nf.com.vn

kt 12,3 x 1,7 cm

Số: 89 /TB-MNFV

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 06 năm 2025

V/v: Đính chính Thông tin “Tên Nhà Sản Xuất” trong Hồ sơ Tự công bố và nhãn phụ của Sản Phẩm

**Kính gửi: Sở Y tế Thái Nguyên**

Chúng tôi, CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM (“MNFV”), xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Quý Cơ quan với MNFV trong suốt thời gian vừa qua.

MNFV đã thực hiện tự công bố đối với Sản phẩm “Kem Parm Matcha Morinaga” theo Bản tự công bố số 32/MORINAGA/2024 ngày 23/10/2024 và đã gửi Hồ sơ tự công bố của Sản Phẩm tới Quý Cơ quan.

Tuy nhiên, sau khi rà soát lại Hồ sơ, MNFV phát hiện rằng phần dịch thuật thông tin “Tên Nhà sản xuất” chưa chính xác theo đúng tên chính thức của Nhà Sản xuất trong các hồ sơ pháp lý có liên quan tại MNFV.

Căn cứ theo Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, MNFV xin thông báo đến Quý Cơ quan về việc **đính chính thông tin Tên Nhà sản xuất trong Hồ sơ Tự công bố và nhãn phụ của Sản Phẩm** như sau:

Thông tin trước khi đính chính	Thông tin sau khi đính chính
<b>Nhà sản xuất:</b> Công ty Cổ phần Morinaga Milk Industry	<b>Nhà sản xuất:</b> Morinaga Milk Industry Co., Ltd.
<b>Địa chỉ:</b> 1-5-2, Higashi-shimbashi, Minato-ku, Tokyo, Nhật Bản.	<b>Địa chỉ:</b> 1-5-2, Higashi-shimbashi, Minato-ku, Tokyo, Nhật Bản.
<b>Sản xuất tại:</b> Công ty Cổ phần Fuji Morinaga Milk Industry; địa chỉ: 18, Nameri, Nagaizumi-cho, Shunto-gun, Shizuoka, Nhật Bản.	<b>Sản xuất tại:</b> Fuji Morinaga Milk Industry Co., Ltd.; địa chỉ: 18, Nameri, Nagaizumi-cho, Shunto-gun, Shizuoka, Nhật Bản.

Nội dung trình bày cụ thể: theo nhãn phụ đính kèm Thông báo này.





# KEM PARM MATCHA MORINAGA

**THÀNH PHẦN:** Nước, sữa (sữa gầy có đường, cream, pho mai), sô-cô-la trà matcha phủ ngoài (\*), đường kính, xi-rô tinh bột đậu thực vật, bột trà matcha (1,05%), chất nhũ hoá (471, 477), chất ổn định (410, 412, 407), hương liệu nhân tạo (hương matcha), bột trà Gyukuro, lòng đỏ trứng, sô-cô-la trà matcha phủ ngoài: Dầu thực vật, đường kính, đường lactose, maltodextrin, bơ cacao, bột trà matcha (0,31%), sữa bột nguyên kem, chất nhũ hoá (322(i), 473), hương liệu nhân tạo (hương matcha).  
*\* Sản phẩm có chứa sữa, trứng, đậu nành.*  
**Thông tin cảnh báo:** Không dùng cho người dị ứng với các thành phần sản phẩm.

Thể tích thực (trong lượng tịnh): **90 ml (74 g)**

## THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRÊN 90 ml SẢN PHẨM:

Năng lượng 204 kcal | Chất đạm 2,1 g | Chất béo 13,1 g |  
Carbohydrat 19,4 g | Đường tổng số 12,7 g | Natri 20,7 mg |  
HPSD: sử dụng ngay sau khi lấy ra khỏi tủ đông và mở bao bì.  
HDBE: Bảo quản đông lạnh ở nhiệt độ dưới -18°C.  
NSX: 24 tháng trước hạn sử dụng | HSD: DD/MM/YY





**NHÀ SẢN XUẤT:** MORINAGA MILK INDUSTRY CO., LTD.  
Địa chỉ: 1-5-2, Higashi-shimbashi, Minato-ku, Tokyo, Nhật Bản.  
Sản xuất tại Fuji Morinaga Milk Industry Co., Ltd.

**SÂN XUẤT TẠI NHẬT BẢN**

**THƯƠNG NHÃN NHẬP KHẨU & CHIU TRÁCH NHIỆM VỀ HÀNG HÓA:**  
Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam.  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phố Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên.  
Hotline: 1800-888-602 \* Website: www.morinaga-nf.com.vn

Kt 12,3 x 1,7 cm

PARM

 <p>日本製造 Matcha 抹茶 PARM アイスマイル</p>	<p>Béo ngậy tan trong miệng Sản xuất tại Nhật Vị Matcha PARM Kem sữa Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa</p>														
 <p>溶ける温度にこだわった、アイスと相性の良いなめらかな口どけの抹茶チョコ 旨みのある宇治抹茶を使用した、なめらかでコクのある味わいの抹茶アイス</p>	<p>Vị Sô-cô-la matcha mịn màng tan chảy cùng kem ngay khi cho vào miệng. Là loại kem matcha đậm đà sánh mịn được làm từ matcha Uji thơm ngon.</p>														
 <p>PARMについての耳寄り情報、配信中。 ※ご利用の機種および通信条件などの環境によって、対応できない場合があります。※コンテンツは無料ですが、通信費はお客様のご負担となります。</p>	<p>Truy cập vào đây để xem thông tin hấp dẫn về sản phẩm PARM mới nhất. Tùy theo tình trạng chẳng hạn loại thiết bị sử dụng, điều kiện liên lạc và các yếu tố khác...mà có thể có những trường hợp không thể hỗ trợ được. Nội dung miễn phí, nhưng chi phí phát sinh khi liên lạc sẽ do khách hàng chịu.</p>														
 <table border="1"> <tr> <td>栄養成分表示1本(90ml)当たり</td> <td></td> </tr> <tr> <td>エネルギー</td> <td>204 kcal</td> </tr> <tr> <td>たんぱく質</td> <td>2.1 g</td> </tr> <tr> <td>脂 質</td> <td>13.1 g</td> </tr> <tr> <td>炭水化物</td> <td>19.4 g</td> </tr> <tr> <td>食塩相当量</td> <td>0.05 g</td> </tr> <tr> <td colspan="2">この表示値は、目安です。</td> </tr> </table>	栄養成分表示1本(90ml)当たり		エネルギー	204 kcal	たんぱく質	2.1 g	脂 質	13.1 g	炭水化物	19.4 g	食塩相当量	0.05 g	この表示値は、目安です。		<p>Thành phần dinh dưỡng: tính trên mỗi một que 90ml Năng lượng: 204kcal Chất đạm: 2.1g Chất béo: 13.1g Carbohydrate: 19.4g Lượng muối tương đương: 0.05g Giá trị này mang tính tham khảo</p>
栄養成分表示1本(90ml)当たり															
エネルギー	204 kcal														
たんぱく質	2.1 g														
脂 質	13.1 g														
炭水化物	19.4 g														
食塩相当量	0.05 g														
この表示値は、目安です。															

U

S.Đ.K.H. VI CÔ NG

Chp+

種類別 **アイスマルク** 無脂乳固形分 7.0% 乳脂肪分 3.0% 植物性脂肪分 5.0%  
原材料名 乳製品(国内製造)、ニュージーラボ製造、抹茶チョコレートコーティング(植物油類、砂糖、乳糖、マルトデキストリン、ココアバター、抹茶、  
乳製品、砂糖、水あめ、植物油類、抹茶、玉露、糖類(果糖、砂糖) / 乳化剤、安定剤(増粘多糖類)、香料、一部に卵・乳成分(大豆を含む)  
内容量 90ml 販売者 森永乳業株式会社 東京都港区東新橋1-5-2

製造所 富士森永乳業株式会社 静岡県駿東郡長泉町納米里18 保存上の注意 要冷凍(-18℃以下)

お気づきの点は、森永乳業「お客様相談室」へご連絡ください。

フリーダイヤル ☎0120-082-749

パルムサイトはこちら <https://parm-ice.jp/>



Loại sản phẩm: Kem sữa

Protein sữa không béo 7,0% Chất béo trong sữa 3,0% Dầu thực vật 5,0%

Thành phần: Các sản phẩm từ sữa (sản xuất tại Nhật Bản, New Zealand,...), bột phủ sô cô la matcha (dầu thực vật, đường, lactose, maltodextrin, bơ cacao, bột matcha, sản phẩm từ sữa), đường, xirô tinh bột, dầu thực vật, bột matcha, bột trà xanh Gyokuro, lòng đỏ trứng có đường (lòng đỏ trứng, đường) / chất nhũ hóa, chất ổn định (chất làm đặc polysaccharide), hương liệu, (một số thành phần từ trứng, sữa, đậu nành).

Thể tích thực 90ml

Nhà phân phối: Morinaga Milk Industry Co., Ltd

1-5-2 Higashi-Shimbashi, Minato-ku, Tokyo

Sản xuất tại: Fuji Morinaga Milk Industry Co., Ltd

18 Nameri, Nagaizumi-cho, Sunto-gun, Shizuoka

Lưu ý khi bảo quản: cần bảo quản đông lạnh (dưới -18°C)

Nếu cần giải đáp, vui lòng liên hệ với Phòng Dịch vụ Khách hàng của Morinaga Milk.

Miễn phí cuộc gọi: 0120-082-749

Website Parm: <https://parm-ice.jp/>

Cần bảo quản đông lạnh (dưới -18°C)

Handwritten signature or mark.

Handwritten mark.

	<p>Chất gây dị ứng có trong nguyên liệu (nằm trong danh mục 28 chất gây dị ứng): trứng, sữa, đậu nành</p> <p>Vừa ngậm cây kem sau khi ăn xong vừa chơi có thể gây nguy hiểm</p>
--	---

**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(đã ký và đóng dấu)*

**KOHARA SHUNSUKE**

HỒI  
CHÚ  
EN H  
T

Lt

Ctp

Tôi, Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/01/2017; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Nhật sang tiếng Việt.

Người dịch

*Ctp*

Cao Thị Hạnh

**LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

Hôm nay, ngày 24 tháng 05 năm 2025 (Ngày hai mươi tư, tháng năm, năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Trần Thị Huyền* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

**CHỨNG NHẬN:**

- Bản dịch này do bà Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/01/2017; là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Cao Thị Hạnh.
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 02 (hai) bản chính, mỗi bản gồm 04 tờ, 04 trang, lưu 01 (một) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: *28371*, Quyển số: 01 /2025 TP/ CC-SCC/BD

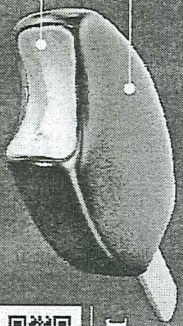
CÔNG CHỨNG VIÊN



*Trần Thị Huyền*



溶ける温度にこだわった、  
アイスと相性の良い  
なめらかな口どけの抹茶チョコ  
旨みのある宇治抹茶を  
使用した、なめらかなチョコのある  
味わいの抹茶アイス



PARMIについての  
耳寄り情報、配信中。

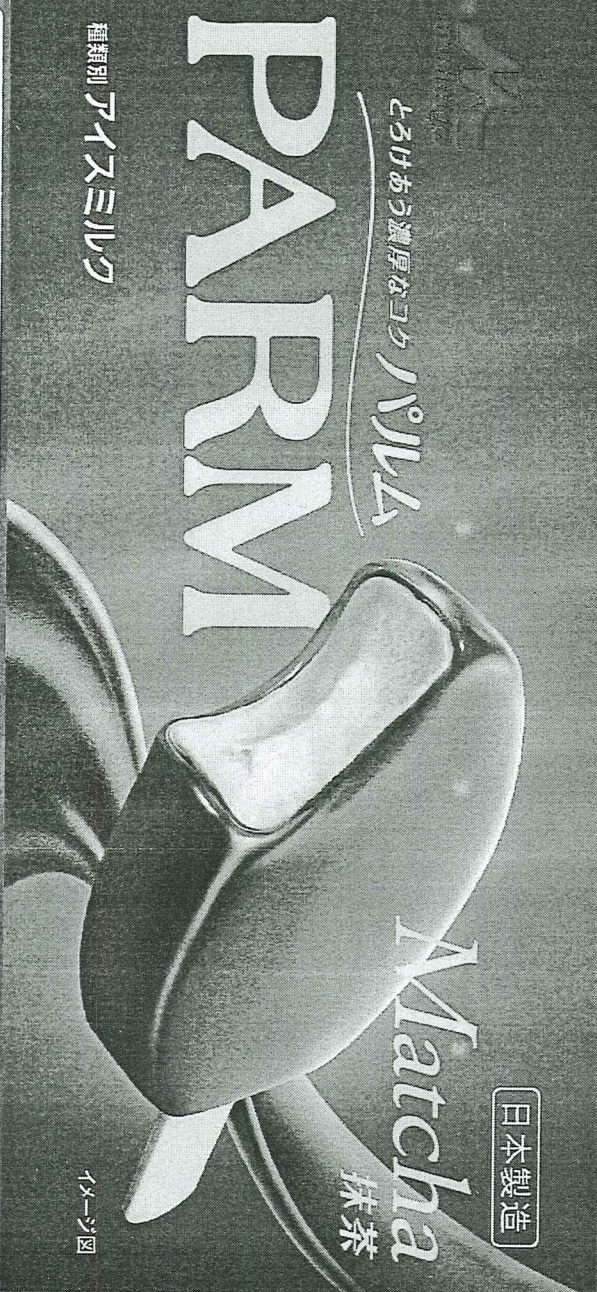


※ご利用の機種および通信条件  
などにより、読み取りがうまく  
いかない場合があります。※この  
ソフトは無料ですが、通信費は  
お客様の責任となります。



栄養成分表示1本(90ml)当たり	
エネルギー	204 kcal
たんぱく質	2.1 g
脂質	13.1 g
炭水化物	19.4 g
食塩相当量	0.05 g

この表示値は、目安です。



とろけあう濃厚なチョコ

# PARMI

## Matcha

抹茶

日本製造

種類別 アイスミルク

イメージ図

種類別 **アイスミルク** 無脂肪固形分 7.0% 乳脂肪分 3.0% 植物性脂肪分 5.0%  
 原材料名 乳製品(国内製造)、ニューシーラ(製造)、まろ茶(チョコレート)、チョコレート、砂糖、乳糖、乳糖、ミルク、チョコレート、ココアパウダー、まろ茶、  
 乳製品、砂糖、水あめ、植物性脂肪、まろ茶、五穀、加糖卵黄(卵黄、砂糖)、乳脂肪、安定剤(増粘多糖類)、香料(一部に卵乳成分、大豆を含む)  
 内容量 90ml 販売者 森永乳業株式会社 東京都港区東新橋1-5-2

製造所 富士森永乳業株式会社 静岡県静岡市清水区新米里18 保存上の注意 要冷蔵(-18℃以下)

お気づきの点は、森永乳業 お客様相談室へご連絡ください。  
**フリーダイヤル ☎0120-082-749**  
 パルサイトはこちら <https://parm-ice.jp/>

18歳未満  
飲まないでください

19歳未満  
飲まないでください

原材料(含有)名  
アイスミルク  
大豆



4 902720 146821



TỔNG GIÁM ĐỐC  
KOHARA SHUNSUKE





CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA  
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

----- ☺ -----

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 32/MORINAGA/2024**

**KEM PARM MATCHA MORINAGA**

**THÁI NGUYÊN, 2024**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 32/MORINAGA/2024

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 02083 666 669

Fax: 02083 866 474

Mã số doanh nghiệp: 4600285900

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: KEM PARM MATCHA MORINAGA

2. Thành phần:

Nước, sữa (sữa gầy cô đặc, cream, phô mai), sô-cô-la trà matcha phủ ngoài (\*), đường kính, xirô tinh bột, dầu thực vật, bột trà matcha (1,06%), chất nhũ hoá (471, 477), chất ổn định (410, 412, 407), hương liệu nhân tạo (hương matcha), bột trà Gykuro, lòng đỏ trứng.

(\*). Sô-cô-la trà matcha phủ ngoài: Dầu thực vật, đường kính, đường lactose, maltodextrin, bơ cacao, bột trà matcha (0,31%), sữa bột nguyên kem, chất nhũ hoá (322(i), 473), hương liệu nhân tạo (hương matcha).

*Sản phẩm có chứa sữa, trứng, đậu nành.*

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Thể tích thực (trọng lượng tịnh): 90 ml (74 g). (Sai số định lượng phù hợp với Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

4.2. Chất liệu bao bì:

Sản phẩm đựng trong bao bì nhựa PE chuyên dùng cho thực phẩm, đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT của Bộ Y tế.



**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

**Nhà sản xuất:** Công ty Cổ phần Morinaga Milk Industry

**Địa chỉ:** 1-5-2, Higashi-shimbashi, Minato-ku, Tokyo, Nhật Bản.

**Sản xuất tại:** Công ty Cổ phần Fuji Morinaga Milk Industry; địa chỉ: 18, Nameri, Nagaizumi-cho, Shunto-gun, Shizuoka, Nhật Bản.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 10 năm 2024



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
KOHARA SHUNSUKE**





## KEM PARM MATCHA MORINAGA

**THÀNH PHẦN:** Nước, sữa (sữa gầy cô đặc, cream, phô mai), sô-cô-la trà matcha phủ ngoài (\*), đường kính, xơ tinh bột, dầu thực vật, bột trà matcha (1,06%), chất nhũ hoá (471, 477), chất ổn định (410, 412, 407), hương liệu nhân tạo (hương matcha), bột trà Gykuro, lòng đỏ trứng.

(\* Sô-cô-la trà matcha phủ ngoài: Dầu thực vật, đường kính, đường lactose, maltodextrin, bơ cacao, bột trà matcha (0,31%), sữa bột nguyên kem, chất nhũ hoá (322(i), 473), hương liệu nhân tạo (hương matcha).

\*Sản phẩm có chứa sữa, trứng, đậu nành.

**Thông tin cảnh báo:** Không dùng cho người dị ứng với các thành phần sản phẩm.

**Thể tích thực (Trọng lượng tịnh): 90 ml (74 g)**

### THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRÊN 90 ml SẢN PHẨM:

Năng lượng 204 kcal; Chất đạm 2,1 g; Chất béo 13,1 g; Carbohydrat 19,4 g; Đường tổng số 12,7 g; Natri 20,7 mg.

**HDS:** Sử dụng ngay sau khi lấy ra khỏi tủ đông và mở bao bì.

**HDBQ:** Bảo quản đông lạnh ở nhiệt độ dưới -18°C.

**NSX:** 24 tháng trước hạn sử dụng | **HSD:** DD/MM/YY

**NHÀ SẢN XUẤT:** Công ty Cổ phần Morinaga Milk Industry.

**Địa chỉ:** 1-5-2, Higashi-shimbashi, Minato-ku, Tokyo, Nhật Bản.

Sản xuất tại Công ty Cổ phần Fuji Morinaga Milk Industry.

**Địa chỉ:** 18, Nameri, Nagaizumi-cho, Shunto-gun, Shizuoka, Nhật Bản.

**SẢN XUẤT TẠI NHẬT BẢN**

**THƯƠNG NHÃN NHẬP KHẨU & CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ HÀNG HÓA:**

Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam.

**Địa chỉ:** Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**Hotline:** 1800-888-602 \* **Website:** www.morinaga-nf.com.vn

溶ける温度にこだわった、  
アイスと相性の良い  
なめらかな口どけの抹茶チョコ

旨みのある宇治抹茶を  
使用した、なめらかでコクのある  
味わいの抹茶アイス



PARMについての  
耳寄り情報、配信中。



※ご利用の機種および通信条件  
などの環境によって、対応でき  
ない場合があります。※コンテ  
ンツは無料ですが、通信費は  
お客様のご負担となります。



栄養成分表示1本(90ml)当たり	
エネルギー	204 kcal
たんぱく質	2.1 g
脂質	13.1 g
炭水化物	19.4 g
食塩相当量	0.05 g

この表示値は、目安です。



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**KOHARA SHUNSUKE**



とろけあう濃厚なコク パルム

# PARM

種別別 アイスミルク

日本製造

## Matcha

抹茶



イメージ図

種別別 **アイスミルク** 無脂乳固形分 7.0% 乳脂肪分 3.0% 植物性脂肪分 5.0%  
 原材料名 乳製品(国内製造、ニュージーランド製造)、抹茶チョコレートコーティング(植物油脂、砂糖、乳糖、マルトデキストリン、ココアバター、抹茶、  
 乳製品、砂糖、水あめ、植物油脂、抹茶、玉露、加糖卵黄(卵黄、砂糖)/乳化剤、安定剤(増粘多糖類)、香料、(一部に卵・乳成分・大豆を含む)  
 内容量 90ml 販売者 森永乳業株式会社 東京都港区東新橋1-5-2



製造所 富士森永乳業株式会社 静岡県駿東郡長泉町納米里18 保存上の注意 要冷凍(-18℃以下)

お気づきの点は、森永乳業「お客さま相談室」へご連絡ください。


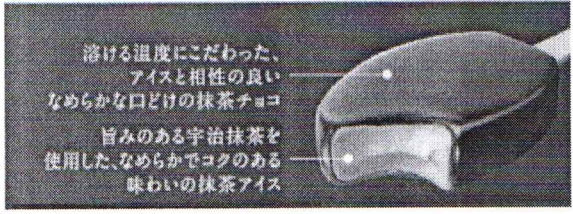


フリーダイヤル ☎ 0120-082-749

パルムサイトはこちら <https://parm-ice.jp/>



原材料に含まれる  
アレルゲン  
(28品目中)

卵・乳成分・  
大豆

	<p>Béo ngậy tan trong miệng</p> <p>Sản xuất tại Nhật</p> <p>Vị Matcha</p> <p>PARM</p> <p>Kem sữa</p> <p>Hình ảnh chỉ có tính chất minh hoạ</p>														
 <p>溶ける温度にこだわった、アイスと相性の良いなめらかな口どけの抹茶チョコ</p> <p>旨みのある宇治抹茶を使用した、なめらかでコクのある味わいの抹茶アイス</p>	<p>Vị Sô-cô-la matcha mịn màng tan chảy cùng kem ngay khi cho vào miệng.</p> <p>Là loại kem matcha đậm đà sánh mịn được làm từ matcha Uji thơm ngon.</p>														
 <p>PARMについての耳寄り情報、配信中。</p> <p>※ご利用の機種および通信条件などの環境によって、対応できない場合があります。※コンテンツは無料ですが、通信費はお客様のご負担となります。</p>	<p>Truy cập vào đây để xem thông tin hấp dẫn về sản phẩm PARM mới nhất.</p> <p>Tùy theo tình trạng chẳng hạn loại thiết bị sử dụng, điều kiện liên lạc và các yếu tố khác...mà có thể có những trường hợp không thể hỗ trợ được. Nội dung miễn phí, nhưng chi phí phát sinh khi liên lạc sẽ do khách hàng chịu.</p>														
 <table border="1"> <tr> <td>栄養成分表示1本(90ml)当たり</td> <td></td> </tr> <tr> <td>エネルギー</td> <td>204 kcal</td> </tr> <tr> <td>たんぱく質</td> <td>2.1 g</td> </tr> <tr> <td>脂 質</td> <td>13.1 g</td> </tr> <tr> <td>炭水化物</td> <td>19.4 g</td> </tr> <tr> <td>食塩相当量</td> <td>0.05 g</td> </tr> <tr> <td colspan="2">この表示値は、目安です。</td> </tr> </table>	栄養成分表示1本(90ml)当たり		エネルギー	204 kcal	たんぱく質	2.1 g	脂 質	13.1 g	炭水化物	19.4 g	食塩相当量	0.05 g	この表示値は、目安です。		<p>Thành phần dinh dưỡng: tính trên mỗi một que 90ml</p> <p>Năng lượng: 204kcal</p> <p>Chất đạm: 2.1g</p> <p>Chất béo: 13.1g</p> <p>Carbohydrate: 19.4g</p> <p>Lượng muối tương đương: 0.05g</p> <p>Giá trị này mang tính tham khảo</p>
栄養成分表示1本(90ml)当たり															
エネルギー	204 kcal														
たんぱく質	2.1 g														
脂 質	13.1 g														
炭水化物	19.4 g														
食塩相当量	0.05 g														
この表示値は、目安です。															



*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

種類別 **アイスマルク** 無脂乳固形分 7.0% 乳脂肪分 3.0% 植物性脂肪分 5.0%  
原材料名 乳製品(国内製造、ニュージーランド製造)、まろ茶チョコレートコーティング(植物油、砂糖、乳糖、マルトデキストリン、ココアバター、まろ茶、  
乳製品、砂糖、水あめ、植物油、まろ茶、工藤、加糖卵黄(卵黄、砂糖)/乳化剤、安定剤(増粘多糖類)、香料、(一部に卵乳成分・大豆を含む)  
内容量 90ml 販売者 森永乳業株式会社 東京都港区東新橋1-5-2

製造所 富士森永乳業株式会社 静岡県駿東郡長泉町納米里18 保存上の注意 要冷蔵(-18℃以下)

お気づきの点は、森永乳業(お客様相談室)へご連絡ください。

フリーダイヤル ☎0120-082-749

パルムサイトはこちら <https://parm-ice.jp/>



Loại sản phẩm: Kem sữa

Protein sữa không béo 7,0% **BẢN DỊCH**  
Chất béo trong sữa 3,0% Dầu thực vật 5,0%

Thành phần: Các sản phẩm từ sữa (sản xuất tại Nhật Bản, New Zealand,...), bột phủ sô cô la matcha (dầu thực vật, đường, lactose, maltodextrin, bơ cacao, bột matcha, sản phẩm từ sữa), đường, xirô tinh bột, dầu thực vật, bột matcha, bột trà xanh Gyokuro, lòng đỏ trứng có đường (lòng đỏ trứng, đường) / chất nhũ hóa, chất ổn định (chất làm đặc polysaccharide), hương liệu, (một số thành phần từ trứng, sữa, đậu nành).

Thể tích thực 90ml

Nhà phân phối: Công ty Cổ phần Morinaga Milk Industry

1-5-2 Higashi-Shimbashi, Minato-ku, Tokyo

Sản xuất tại: Công ty Cổ phần Fuji Morinaga Milk Industry

18 Nameri, Nagaizumi-cho, Sunto-gun, Shizuoka

Lưu ý khi bảo quản: cần bảo quản đông lạnh (dưới -18°C)

Nếu cần giải đáp, vui lòng liên hệ với Phòng Dịch vụ Khách hàng của Morinaga Milk.

Miễn phí cuộc gọi: 0120-082-749

Website Parm: <https://parm-ice.jp/>

Cần bảo quản đông lạnh (dưới -18°C)

Chất gây dị ứng có trong nguyên liệu (nằm trong danh mục 28 chất gây dị ứng): trứng, sữa, đậu nành

Vừa ngậm cây kem sau khi ăn xong vừa chơi có thể gây nguy hiểm

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA  
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

(Đã ký và đóng dấu)

Tổng giám đốc

KOHARA SHUNSUKE

Chữ ký

Tôi, Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/01/2017; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Nhật sang tiếng Việt.

Người dịch

*Chữ ký*

Cao Thị Hạnh

**LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

Hôm nay, ngày 16 tháng 8 năm 2024 (Ngày mười sáu, tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Trần Thị Huyền* Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

**CHỨNG NHẬN:**

- Bản dịch này do bà Cao Thị Hạnh, Căn cước công dân số: 033187001962 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/01/2017; là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Cao Thị Hạnh.
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 02 (hai) bản chính, mỗi bản gồm 03 tờ, 03 trang, lưu 01 (một) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: *17892*, Quyển số: 01 /2024 TP/ CC-SCC/BD

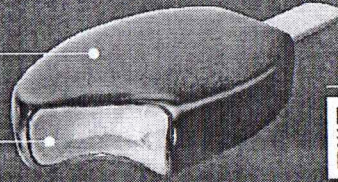
CÔNG CHỨNG VIÊN



*Trần Thị Huyền*

溶ける温度にこだわった、  
アイスと相性の良い  
なめらかな口どけの抹茶チョコ

旨みのある宇治抹茶を  
使用した、なめらかでコクのある  
味わいの抹茶アイス



PARMについての  
耳寄り情報、配信中。



※ご利用の機種および通信条件  
などの環境によって、対応でき  
ない場合があります。※コンテ  
ンツは無料ですが、通信費は  
お客様のご負担となります。



栄養成分表示1本(90ml)当たり	
エネルギー	204 kcal
たんぱく質	2.1 g
脂 質	13.1 g
炭水化物	19.4 g
食塩相当量	0.05 g

この表示値は、目安です。



TỔNG GIÁM ĐỐC  
KOHARA SHUNSUKE

日本製造

とろけあう濃厚なココパルム

# PARM

Matcha  
抹茶

種類別 アイスミルク

イメージ図

種類別 **アイスミルク** 無脂乳固形分 7.0% 乳脂肪分 3.0% 植物性脂肪分 5.0%  
 原材料名 乳製品(国内製造、ニュージーランド製造)、まっ茶チョコレートコーティング(植物油脂、砂糖、乳糖、マルトデキストリン、ココアバター、まっ茶、  
 乳製品)、砂糖、水あめ、植物油脂、まっ茶、玉露、加糖卵黄(卵黄、砂糖)/乳化剤、安定剤(増粘多糖類)、香料、(一部に卵・乳成分・大豆を含む)  
 内容量 90ml 販売者 森永乳業株式会社 東京都港区東新橋1-5-2



製造所 富士森永乳業株式会社 静岡県駿東郡長泉町納米里18 保存上の注意 要冷凍(-18℃以下)  
 お気づきの点は、森永乳業「お客さま相談室」へご連絡ください。  
 フリーダイヤル ☎0120-082-749  
 パルムサイトはこちら <https://parm-ice.jp/>



原材料に含まれる  
アレルギー  
(28品目中)

卵・乳成分・  
大豆





Report N°: 0000617083

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: July 31, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 31/07/2024

**ANALYSIS REPORT**  
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

**JOB NO.: 2406A-0809**  
Đơn hàng: 2406A-0809

**CLIENT'S NAME** : MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY  
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

**CLIENT'S ADDRESS** : NAM PHO YEN INDUSTRIAL PARK, THUAN THANH WARD, PHO YEN CITY,  
Địa chỉ : THAI NGUYEN PROVINCE, VIETNAM  
KCN NAM PHỒ YÊN, PHƯỜNG THUẬN THÀNH, THÀNH PHỐ PHỒ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN, VIỆT NAM

**SAMPLE INFORMATION:**  
THÔNG TIN MẪU

**Sampled/ Submitted by** : Client  
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

**Client's reference** : KEM PARM MATCHA MORINAGA  
Chú thích của khách hàng :

The above information is submitted and identified by the client/applicant.  
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

**Sample description** : Food (approx. gr. wt. 0.8kg) in 10 full labeled plastic containers  
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.8kg bao gồm bao bì) chứa trong 10 vật chứa bằng nhựa nhãn mác đầy đủ

**Sample ID** : 2406A-0809.002  
Mã số mẫu :

**Date sample(s) received** : June 07, 2024  
Ngày nhận mẫu : 07/06/2024

**Testing period** : June 07, 2024 - June 14, 2024  
Thời gian thử nghiệm : 07/06/2024 - 14/06/2024

**Test(s) requested** : As applicant's requirement  
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

**Test result(s)** : Please refer to the next page(s)  
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau



**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/vn/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000617083

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
1. Enterobacteriaceae <i>Enterobacteriaceae</i>	ISO 21528-2:2017	<10	-	10	cfu/g	
2. Salmonella spp. <i>Salmonella spp.</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.8	-	cfu/25g	
3. Aflatoxin M1 <i>Aflatoxin M1</i>	ISO 14501:2021	<0.01	0.003	0.01	µg/kg	
4. Arsenic (As) <i>Asen</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
5. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0025	0.005	mg/kg	
6. Lead (Pb) <i>Chì</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
7. Mercury (Hg) <i>Thủy ngân</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (\*).  
*Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (\*).*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (\*\*) after the analyte name.  
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (\*\*) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.  
*Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.*
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.  
*Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.*
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.  
*LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.*
- LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

- \_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
- \_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000617083

Page N° 4/4

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*

Your feedback helps us improve our service.  
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of  
**SGS Vietnam LTD**  
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam  
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự  
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



#### SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.